

hình tiến bộ kĩ thuật hiện nay trên thế giới về khí hóa than (chế tạo được khí hoàn nguyên từ bất kì loại than nào, kể cả than gầy, trong qui mô công nghiệp), chúng tôi nghiêng về phương án 3 với sơ đồ «sắt xốp - lò đứng - lò điện», vì nó có những ưu điểm cơ bản như sau:

1. Dễ phù hợp với điều kiện tái nguyên

trong nước, bảo đảm tinh tự chủ cao của nền kinh tế nước nhà.

2. Khâu luyện thép được kết thúc bằng quá trình lò điện với phối liệu thể lỏng, bảo đảm chất lượng thép tốt và năng suất khá cao.

3. Qui mô công nghiệp đủ lớn để bảo đảm tăng sản lượng thép nhanh chóng một cách kinh tế và không bị hạn chế về mặt hàng



Thủ tướng PHẠM VĂN ĐỒNG thăm Viện Chăn nuôi.
Thủ tướng đang tìm hiểu một số đề tài nghiên cứu của Viện

TÌNH HÌNH VÀ NHIỆM VỤ CÔNG TÁC KHOA HỌC KỸ THUẬT CHĂN NUÔI Ở CÁC TỈNH PHÍA NAM

TRẦN THẾ THÔNG

Trong những năm trước đây, dưới thời Mĩ-ngụy, phần lớn những công trình nghiên cứu chăn nuôi chỉ được thực hiện trong thời gian ngắn, tính chất lẻ tẻ, không có hệ thống, chưa giải quyết dứt điểm một vấn đề gì. Tuy nhiên, cũng có một số ít công trình có giá trị cho sản xuất trước mắt hoặc lâu dài.

Trong sản xuất, từ năm 1968 đến năm 1973, những tiến bộ kĩ thuật về chăn nuôi đã xâm nhập vào miền nam khá mạnh: giống gia súc, gia cầm cao sản được nhập khá nhiều, thức ăn hỗn hợp chế biến theo kiểu công nghiệp được phát triển, các trại chăn nuôi lớn, gà có qui mô lớn được hình thành. Phần lớn các xí nghiệp thức ăn gia súc và các trại chăn nuôi đều được xây dựng ở xung quanh Sài-gòn và những vùng đô thị.

Do tính chất phát triển theo hướng tư bản chủ nghĩa nên phần lớn các chủ trại đã nhập hoàn toàn thiết bị cũng như vật tư kĩ thuật để sản xuất nhanh ra hàng hóa phục vụ cho nhu cầu chiến tranh, mà không có kế hoạch lâu dài về các mặt con giống, thức ăn, chuồng trại, thú y và các biện pháp kĩ thuật khác. Cũng do đó, đến năm 1973, khi quân đội Mĩ phải rút về nước, ngành chăn nuôi công nghiệp, nhất là gà, bị sa sút nghiêm trọng. Cuối tháng 3-1973 Sài-gòn đã phải chôn sống 2 000 gà con nuôi thịt vì không có thức ăn. Ngay cả năm 1972 là năm chăn nuôi gà công nghiệp phát đạt nhất, chiếm tới 80% tổng số gà, mà ngành chăn nuôi vẫn chưa chiếm được thế đứng thực sự trong nền kinh tế nông nghiệp miền nam với lí do duy nhất: phương thức phát

triển và kinh doanh chăn nuôi là theo lối «tự bản lệ thuộc», chỉ sống nhờ vào viện trợ nước ngoài.

Đối với lợn và gà (nhất là gà), chúng ta thấy có nhiều tiến bộ về kĩ thuật, nhưng đối với trâu bò, thì những tiến bộ kĩ thuật hầu như không đáng kể, vẫn chăn nuôi theo lối tự nhiên.

Sản xuất thức ăn gia súc ở các tỉnh phía nam có thể chia làm hai khu vực rõ rệt:

— Khu vực chăn nuôi bằng thức ăn hỗn hợp do nhà máy sản xuất hoặc tự chế biến;

— Khu vực chăn nuôi bằng thức ăn địa phương.

Khu vực chăn nuôi bằng thức ăn hỗn hợp gồm 2 ngành chính là chăn nuôi lợn và chăn nuôi gà công nghiệp, tập trung chủ yếu quanh Sài-gòn và một số đô thị lớn. Trong khu vực này nuôi giống ngoại thuần chủng, hoặc lai kinh tế ngoại × ngoại, với các loại lợn như Đại-bạch, Landrace, Duroc, Hampshire, Poland-China, Chester white, Berkshire...; và các giống gà công nghiệp như Cobb, Hubbard, Leghorn... bằng những loại thức ăn hỗn hợp có thành phần dinh dưỡng cao.

Để sản xuất các loại thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh, ngoài nguồn nguyên liệu địa phương, khá phong phú như ngô, cám, cao lương, khô lạc, khô dầu, đỗ đậu v.v... ngay quyền Sài-gòn còn nhập nội một lượng lớn các loại thức ăn bổ sung đậm và sinh tố, kháng sinh, kích tố v.v... Xung quanh Sài-gòn và một số địa phương khác đã hình thành một hệ thống xi nghiệp chế biến thức ăn với những thiết bị khá hoàn chỉnh, có tổng công suất (2 ca/ngày) khoảng trên 300 000 tấn/năm. Ngoài ra, ở một số cơ sở chăn nuôi lợn quy mô 100 — 1000 con, còn có các loại máy chế biến cỡ nhỏ với công suất trên dưới 1 tấn/giờ.

Ở khu vực chăn nuôi bằng thức ăn địa phương, vì nguồn thức ăn khá phong phú, cho phép nuôi những giống lợn địa phương đã được cải tiến: lợn Ba-xuyên, Thuộc-nhiều, Hòn-chông, Ba-tri. Thức ăn ở đây không được tổ chức chế biến gì đáng kể, lợn nuôi bằng cám, gạo, tằm nấu chín. Thức ăn thô gồm rau lang, rau muống, thân cây chuối. Vịt nuôi bằng ốc, tằm, hến v.v... Chính quyền cũ cho nhập một số thức ăn bổ sung đậm gọi là concentrate chế biến từ bột khô đậu tương, bột xương, vitamin, premix... để bán cho nông dân trộn vào những thức ăn cơ bản kể trên.

Tóm lại, khu vực chăn nuôi bằng thức ăn địa phương chiếm tỉ trọng trên dưới 90% trong chăn nuôi toàn miền, dựa chủ yếu vào các nguồn thức ăn của địa phương. Thức ăn hầu như chưa được tổ chức chế biến đáng kể, trình độ kĩ thuật còn đơn sơ nhiều so với khu vực chăn nuôi bằng thức ăn hỗn hợp.

Về lợn: Ngoài trên 40 trại lợn thực sự dùng thức ăn do công nghiệp cung cấp với qui mô lớn, thì chăn nuôi lợn ở các vùng nông thôn, nông dân chăn nuôi vẫn dùng cám, thóc gạo làm thức ăn chính. Rau xanh cho ăn rất ít và thường dùng cỏ voi, dây lang, cũng có nơi dùng thân cây chuối băm nhỏ thay rau.

Do hơn 40 năm nay miền nam đã nhập những loại lợn tốt và đã cho lai phổ biến ở miền Tây Nam-bộ, cho nên lợn ở đây có tới 90% là lợn lai. Trọng lượng xuất chuồng của lợn miền Tây đạt khá cao: 85 kg bình quân khi 8 tháng tuổi. Cá biệt, có nơi đạt 100 kg.

Cũng như đối với gà, ở miền nam chưa thực sự có những trại nhân giống lợn ngoại thuần chủng. Hệ thống giống và vấn đề quản lí con giống chưa được thực hiện.

Những giống lợn nông dân thường nuôi là: lợn Ba-xuyên ở vùng Cà-mau, Rạch-giá, Sóc-trăng; lợn Thuộc-nhiều ở vùng Mĩ-tho; lợn Hòn-chông ở vùng Hà-tiên; lợn Ba-tri ở vùng Bến-tre. Các nhóm lợn này đã thích hợp với điều kiện kinh tế và thiên nhiên ở từng vùng nông thôn khác nhau, trước hết là điều kiện thức ăn, tập quán chăn nuôi và yêu cầu thị trường.

Ngược lại, từ Đà-nẵng trở ra Quảng-trị, giống lợn Cổ còn chiếm đa số trong gia đình nông thôn với những lí do chính: thức ăn thiếu và xấu, khí hậu nóng và ẩm, kĩ thuật chưa cao, chăn nuôi lợn lai nhiều.

Về trâu bò: Trâu bò tại các tỉnh phía nam chỉ được nuôi chủ yếu để cung cấp sức kéo. Thức ăn vẫn là cỏ thiên nhiên. Kĩ thuật nuôi dưỡng hầu như chưa có gì thay đổi. Chuồng trại rất sơ sài và bẩn, nhất là ở miền Tây Nam-bộ (trong mùa mưa).

Hàng năm, trung bình thịt bò chiếm 23,8% và thịt trâu chiếm 16% trong tổng số thịt các loại. Riêng năm 1966, thịt trâu đã chiếm 11 859 tấn so với thịt bò 13 468 tấn. Theo tài liệu năm 1969, số bò giết thịt tại miền nam là 108 000 con, chiếm 12% tổng số đàn bò.

Lí do làm giảm đàn bò là: giết thịt quá nhiều so với khả năng sinh sản, tình hình chiến tranh, kĩ thuật chăn nuôi theo lối tự nhiên, vệ sinh phòng bệnh và quản lí kém.

Trong vòng 10 năm qua, đàn bò tại các tỉnh phía nam đã giảm từ 1 100 000 con xuống còn 775 000 con (1973), trâu giảm từ 754 000 con (1961) xuống còn 565 000 con (1971).

Vấn đề bò sữa mới được chú ý ở một vài nơi (Sài-gòn, Đà-lạt, Cần-thơ) nhưng chưa đáng kể. Năm 1966 có 48 trại bò sữa gồm 1.449 con, đến năm 1976 còn 10 trại gồm 298 con. Số sữa sản xuất ra năm 1961 là 649 tấn và năm 1971 là 32 tấn. Năm 1961 cũng đã có 159 trâu sữa.

Những giống bò sữa đã nhập là: Holstein của Mỹ, Bordelaise của Pháp, Ongole, Sind và Sahival của Ấn-độ, Jersey của Úc.

Hàng năm đã nhập 20.000 tấn sữa bột để chế biến ra các dạng sữa trong thị trường.

Về chăn nuôi gia cầm: Trước ngày giải phóng có 117 trại gà lớn nhỏ. Có trại nuôi trên dưới 10.000 con, trong khi đó nhà nước ngay chỉ có 3 trại với qui mô bình quân 722 gà trong một số trại ở Long-an, An-giang và Bình-định. Năm 1970 là năm nhập gà cao nhất với 4.544.600 con. Gà giống chỉ nhập được Parent - Stock và chỉ sử dụng được 18 tháng. Đã có 27 cơ sở ấp trứng với công suất 29 triệu quả/năm và 90% máy ấp tập trung ở Sài-gòn. Tiền nhập máy ấp chiếm 1 triệu đô-la.

Ngoài những trại gà nói trên nuôi theo kiểu công nghiệp, thì gà và vịt trong nhân dân còn nuôi theo kiểu cổ truyền. Mỗi gia đình nông thôn nuôi từ 5 đến 20 gà theo lối thả tự do để tự kiếm mồi. Những giống gà thường nuôi là gà Ta, gà Tàu, gà Nòi, gà Cù, gà Tre...

Riêng đối với vịt, số vịt nuôi thả đồng chiếm 80%, còn 20% nuôi ở trong gia đình. Số vịt đẻ chiếm 10% trên tổng số vịt. Đàn vịt tăng đều qua các năm: 1965 có 13 triệu con, 1974 có 23 triệu con. Thịt vịt chiếm 65% trong số thịt gia cầm, trứng vịt chiếm 70 - 75%.

Một nhận xét tương đối rõ là: miền Tây Nam-bộ - vừa lúa thì cũng là «vựa» lợn và vịt, vì lợn chiếm 70% của các tỉnh phía nam, vịt chiếm 77,8%. Những tỉnh có nuôi nhiều vịt ở miền Tây là: Long-an: 15%, Mi-tho: 10,8%, Vĩnh-bình: 10%, Bến-tre: 6,9% và Sóc-trăng: 6,1%.

Vịt ở miền Đông Nam-bộ chiếm 11,3%, trong đó có 2 tỉnh nuôi nhiều là Hậu-nghĩa 4,1% và Biên-hóa: 2,1%. Vịt ở miền Trung và Tây-nguyên chiếm 10,8%.

TÌNH HÌNH CÔNG TÁC NGHIÊN CỨU, THÍ NGHIỆM, THỰC NGHIỆM VỀ CHĂN NUÔI TRƯỚC NGÀY GIẢI PHÓNG

Tổ chức nghiên cứu về chăn nuôi so với các ngành khác trong nông nghiệp miền nam bé nhỏ hơn nhiều. Trong viện khảo cứu nông nghiệp chỉ có một phòng nghiên cứu chăn nuôi gọi là phòng sức học, có nhiệm vụ nghiên cứu và thực nghiệm về chăn nuôi và đồng cỏ. Ngoài ra ở Sài-gòn và các tỉnh có một số trung tâm thực nghiệm về chăn nuôi như: trung tâm thực nghiệm chăn nuôi Thủ-đức, Tân-sơn-nhất, các trại chăn nuôi Hưng-

lộc, Nha-hố, Khánh-dương; trại thực nghiệm chăn nuôi bò sữa Bến-cát.

Công tác nghiên cứu thí nghiệm gồm các mặt: thức ăn và đồng cỏ, giống gia súc và kỹ thuật chăn nuôi.

Về nghiên cứu thức ăn, có một số công trình chính sau đây:

- Bảng giá trị dinh dưỡng các loại thức ăn.

- Nghiên cứu thành phần dinh dưỡng và sử dụng một số thức ăn giàu đạm.

Nhiều nhà máy sản xuất thức ăn, nhiều trại chăn nuôi đã xây dựng được 70 công thức thức ăn hỗn hợp cho các loại gia súc gia cầm.

Theo một số công trình nghiên cứu về đồng cỏ thì diện tích đồng cỏ tự nhiên ở các tỉnh phía nam có khoảng 2 triệu ha, (có tài liệu chỉ ước khoảng 276.000 ha).

Một số tác giả đã nghiên cứu các giống cỏ tự nhiên thường gặp và nêu ra nhận xét là giá trị dinh dưỡng các giống cỏ này kém (cỏ tranh, cỏ mần trầu, cỏ trứng rận, cỏ lục lông, cỏ may).

Có tác giả đã nghiên cứu khá đầy đủ về các đặc tính cỏ hòa thảo tìm thấy từ nam đến bắc Việt-nam.

Các trung tâm nghiên cứu chăn nuôi Tân-sơn-nhất, Khánh-dương, Nha-hố, Bến-cát, Hưng-lộc, Thủ-đức đã nghiên cứu khoảng 11 giống cỏ nhập nội.

Những nghiên cứu về giống gia súc, có thể tóm tắt như sau:

1) - **Đối với lợn.**

Những giống lợn ngoại đã được nhập là: giống lợn Trung-quốc, Craonnais (Pháp), Yorkshire Large White và Middle White, Landrace (Đan-oi), Hampshire, Duroc, Chester White, Poland-China.

Các giống lợn ngoại nuôi thuần chủng cũng như lai kinh tế giữa các giống lợn ngoại với nhau đều cho năng suất cao, có hiệu quả kinh tế. Trước 30-4-1975, chưa có cơ sở nhân giống ngoại thuần chủng và cũng chưa tiến hành công tác quản lý giống.

Sau ngày giải phóng, Trường đại học Thủ-đức, Viện Chăn nuôi và bộ môn chăn nuôi miền nam, Công ti giống Heo, Gà đã tiến hành công tác điều tra cơ bản và giám định giống, nhận thấy:

- Lợn Yorkshire được nuôi phổ biến.

- Lợn có tỉ lệ nạc cao đủ tiêu chuẩn xuất khẩu.

- Tỉ lệ đẻ, năng suất cho thịt cao, trong điều kiện nuôi dưỡng đầy đủ.

- Khi hậu khô và mát về ban đêm cho phép nuôi lợn con giống ngoại dễ dàng.

Dùng giống Duroc và Hampshire trong những công thức lai kinh tế cho lợn có tỉ lệ thịt nạc cao.

Cũng theo tài liệu này thì những giống lợn này khả năng chống bệnh tốt, nuôi mau lớn, nhiều thịt, ít mỡ, đẻ sai, lai với lợn trong nước cho lợn lai có sức tăng trưởng cao.

Hai dòng lợn lai Ba-xuyên, Thuộc-nhiều tuy chưa được khảo cứu kỹ về các đặc tính của từng dòng, nhưng sơ bộ thấy có nhiều ưu điểm: khả năng chống bệnh cao, dễ nuôi, mau lớn, thích hợp trình độ của nông dân, có thể thích hợp với một khẩu phần thấp kém về dinh dưỡng.

2 - Đối với trâu bò:

Bò của miền nam có khoảng 852.500 con (1972) gồm các giống địa phương, giống lai giữa bò địa phương với bò Ấn-độ, một số ít đã có máu bò Âu-châu (*bostaurus*), bò ngoại và bò lai giống cho sữa có số lượng không đáng kể, kết quả lai tạo chưa có mấy.

Bò lai Ấn-độ được nuôi phổ biến ở các tỉnh miền Đông Nam-bộ: Sông Bè, Đồng-nai, Tây-ninh. Đàn bò lai có tầm vóc to hơn bò vàng địa phương, xấp xỉ bò lai Sind ở miền bắc. Màu sắc thường thấy là màu trắng xám và màu vàng cánh gián, (màu của bò Ongole và của bò Sind đỏ). Những con lai có đặc tính: cày kéo tốt, năng suất cho thịt cao hơn bò ta, tính chịu đựng và làm việc dai sức, được nông dân ưa thích. Bò lai đời 3 và đời 4 có lượng sữa gần bằng bò Sind.

Theo kết quả nghiên cứu của trung tâm Bến-cát thì bò Jersey nhập nội dưỡng như đã thích nghi với khí hậu nóng ẩm của Việt-nam, lượng sữa kỳ đầu là 2083kg và kỳ ba 2400kg, tỷ lệ mỡ 5-7%. Bò Jersey đẻ ở Bến-cát kỳ sữa đầu 1130kg (204 ngày) lai với bò lai Ấn tạo ra bò F1 cho 1700 kg sữa (270 ngày).

b) Đối với trâu: miền nam có khoảng 500.800 con (1972). Có tác giả đã chia ra 3 nhóm trâu với thể trọng như sau:

Trâu Bè : 700kg

Trâu Bưng : 600kg

Trâu núi : 400kg

Trâu Bè, trâu Bưng ở đồng bằng và đặc biệt là trâu ở Đồng-tháp-mười nổi tiếng vì có tầm vóc to, số lượng nhiều, sức cày khỏe, phục vụ tốt cho công việc cày bừa, ruộng lúa. Nông dân còn dùng trâu này để kéo mật.

Trâu miền núi vóc bé hơn, nhanh nhẹn và nuôi ở vùng cao nguyên miền Trung, nhóm trâu này dùng để giết thịt.

Trâu Murrah được nhập vào năm 1925, tiếp đó, năm 1959 nhập 100 con Murrah (cả đực lẫn cái).

Trâu Nili nhập năm 1948.

Các tỉnh có nhiều trâu là: Vĩnh-bình, Long-an, Định-tường, Ba-xuyên (miền Tây), Hậu-nghĩa, Tây-ninh, Bình-duyên (miền Đông)

Quảng-ngãi, Thừa-thiên, Khánh-hóa (miền Trung).

Tây-nguyên nuôi ít trâu, số lượng không đáng kể (25.440 con).

3 - Đối với gà vịt:

Miền nam có khoảng 23.250.000 gà (1972).

Những giống gà ngoại đã được nuôi là: Rhode Island, New Hampshire, Leghorn, Nagoya, Plymouth, Australorp, Surrex. Số gà trên đều do Mĩ, Úc và Pháp viện trợ.

Kết quả của những thực nghiệm cho biết:

Giống gà Rhode Island, New Hampshire Leghorn, Nagoya dễ nuôi, đẻ trứng sai và to hơn các giống gà Australorp, Sussex và Plymouth.

Những năm sau, gà công nghiệp phát triển mạnh: miền nam đã nhập 14 giống gà thịt và 8 giống gà đẻ.

Trong số gà thịt nhập vào, gà Hubbard được ưa chuộng nhất, trong số gà đẻ thì gà Hubbard Golden Comet được ưa chuộng nhất.

Dưới thời Mĩ-ngụy, cứ 18 tháng phải nhập gà một lần, vì miền nam chỉ nhập được Parent Stock mà thôi. Những gà lai Hubbard và Hubbard Comet được giữ lại đang bị thoái hóa và năng suất đã giảm nhiều.

Hiện nay với các giống gà thịt và trứng của Cuba, các trại gà công nghiệp đã và đang nuôi cho biết cũng có một hiệu quả kinh tế đáng kể. Nếu thức ăn tốt thì hiệu quả kinh tế còn có thể cao hơn.

Hiện nay trong nhân dân còn nuôi nhiều giống gà như gà Ta, gà Tàu, gà Cù, gà Tre... Nói chung các giống gà này chịu đựng khí hậu, chịu bới xới kiếm ăn, sức kháng bệnh cao, thịt thơm ngon nhưng tăng trưởng chậm và đẻ ít.

b) Đối với vịt:

Miền nam có 18.170.000 vịt (1972).

Từ năm 1958, vịt Kaki Campbell đã được nhập vào miền nam và được nghiên cứu ở trung tâm chăn nuôi Tân-sơn-nhất. Vịt Phan-thiết và vịt Tàu được nuôi thực nghiệm ở Long-an năm 1963, đến năm 1975 vịt Ta được nuôi ở Cát-lái. Năm 1960, nhập nội vịt Bắc-kinh, năm 1968, nhập nội vịt Hà-lan.

Cho đến nay chưa có một công trình khảo cứu đáng kể nào về vịt, nhất là về giống vịt.

C - MỘT SỐ TIỀN BỘ KỸ THUẬT CHĂN NUÔI

I. Kỹ thuật xây dựng chuồng trại + Chuồng lợn

Các kiểu chuồng rất đa dạng, thông thoáng tự nhiên. Chuồng nuôi lợn nái có ở riêng cho nái đẻ, ở riêng cho lợn con tập ăn, có đèn

hồng ngoại hay bóng đèn thường 100 - 200 W để sưởi ấm cho lợn con treo cách nền 50cm. Máng ăn xây cao sát tường cho từng loại lợn, máng nước tự động hay hệ thống dẫn nước, hệ thống thải phân hợp lí. Mái lợp ngói xi măng hay lá dừa. Nền làm bằng xi măng hay gạch lát...

— Máng ăn cho lợn:

Hầu hết các trại nuôi lợn to hay nhỏ đều xây máng ăn cho lợn ở phía trước (lối đi cho ăn). Chất liệu là gạch hay xi măng. Kích thước: rộng 30 cm, dài theo ô chuồng, sâu 20 cm. Có nơi làm máng cao hơn mặt nền chuồng để lợn khi ăn phải leo lên miệng máng có que sắt 7mm ngăn theo chiều rộng, có quãng cách 15 - 20 cm để tránh lợn sau khi ăn hết, cắn lẫn nhau hay những con xấu tính leo vào nằm trong máng.

— Máng uống nước cho lợn:

Hầu hết các trại nuôi lợn đều có máng uống về phía sau của ô chuồng, gần rãnh phân và nước tiểu, gần với nước. Kích thước 0,40×0,80m, có nơi có bể chứa nước ở phía sau chuồng, thể tích 1 - 2m³. Có những nơi bố trí cả bể nước cho lợn vào tắm.

— Rãnh thoát phân:

Các trại không dùng phân để ủ mà khi dọn phân đều dùng vòi nước có áp suất để sịt phân theo rãnh ra ngoài ô chuồng và thoát ra hồ phân. Đường rãnh phân đều chìm, có hoặc không có tấm xi măng đặt dài theo dãy chuồng.

* Chuồng gà:

Có 2 hình thức: nuôi trên lồng và nuôi nền.

Kiểu nuôi lồng (Bifako, Tân-đức-an...).

Kiểu nuôi lồng hai ba tầng, mỗi ô nhốt một mái hay một trống, có kích thước 40×40×70cm, tầng nọ với tầng kia chênh nhau để phân gà và nước thải ra rơi xuống đất. Máng ăn và máng uống chạy dọc theo phía trước của ô chuồng. Máng nước được bố trí cho mỗi ô và có van tự động. Chất liệu là ống kẽm hay ống nhựa PVC. Máng ăn cũng được bố trí theo như máng nước, chất liệu là tôn hay nhựa.

Hình thức nuôi gà bằng lồng một tầng hay nhiều tầng đã được thâm nhập vào các gia đình ở nội hay ven nội các thành phố, thị xã.

Trong mỗi lồng, một số gia đình còn sử dụng đèn hồng ngoại hay đèn bóng thường có công suất cao 100 - 200 W để nuôi gà con mới nở 1,2 tuần.

Các kiểu lồng tầng, máng ăn, máng uống đã được sản xuất hàng loạt bán ở thị trường cùng với các cửa hàng bán thức ăn gia cầm hỗn hợp chế biến sẵn.

— Kiểu nuôi nền:

Chuồng nuôi chung quanh được bao bằng lưới mắt cáo. Mỗi ô có diện tích 20-40m². Máng ăn được bố trí giữa chuồng. Có trại dùng máng nửa tự động treo 4 máng cho 100 gà. Máng nước cũng như vậy và có rãnh thoát nước ra ngoài chuồng. Chung quanh vách lưới bố trí ổ đẻ (chuồng nuôi mái đẻ). Nền nuôi gà con, gà mái, gà thịt, đều có trần hay mành cửa lưới dày chừng 0,5 - 1 cm, định kỳ dọn phân và lấy uế. Mỗi ô vuông nuôi 10 gà con hay 4 gà mái đẻ.

Kiểu nuôi bằng lồng riêng hay nuôi nền thì mái cũng lợp bằng tôn, xi-măng tấm hoặc lá dừa. Có hai mái để tạo luồng không khí lưu thông, chung quanh không có tường bao bọc.

2) Kỹ thuật sưởi ấm cho gà: cho những loại gà mới nở đến 2 tuần tuổi, có 2 hình thức:

— Sưởi bằng điện, cứ 100 con dùng 1 bóng 100 W.

— Sưởi dầu hỏa, cứ 100 con dùng 2 ngọn đèn bão.

Theo các nhà chăn nuôi, 2 cách sưởi đều đảm bảo cho gà con có một nhiệt độ thích hợp 35 - 38°C, nhưng sưởi bằng điện rẻ tiền hơn, thuận tiện hơn sưởi bằng dầu hỏa.

3) Kỹ thuật tăng năng suất sinh sản:

Dùng kích dục tố tăng năng suất sinh sản:

Trước đây nhiều cơ sở chăn nuôi đã dùng kích dục tố sinh sản ECP. Đây là loại chế phẩm có chứa Oestrogen để kích thích lợn nái động dục nhanh hơn sau khi cai sữa.

Sau ngày giải phóng, một số trại bắt đầu dùng PMS để thay thế.

4) Thụ tinh nhân tạo cho lợn:

Trước đây 10 năm ở một vài cơ sở nghiên cứu và giảng dạy đã tiến hành công tác thụ tinh nhân tạo cho lợn (trung tâm Tân-sơn-nhất, Thủ-đức, Cần-thơ). Ở Thủ-đức vẫn còn phòng thí nghiệm nhỏ (không hoạt động từ lâu). Theo tài liệu của bộ cải cách điện địa và nông ngư mục (ngụ) thì cả miền nam trước đây chỉ thụ tinh nhân tạo cho 3.926 lợn cái và có 20 trạm thụ tinh nhân tạo lợn. Thực tế, sau ngày giải phóng không còn một trạm nào hoạt động. Năm 1976 bộ nông nghiệp (ngụ) đưa liên bộ này vào các tỉnh Hậu-giang, Sài-gòn nhưng chỉ mới bắt đầu. Các cơ sở này trước đây đã áp dụng kỹ thuật lấy tinh không qua âm đạo giả, nhưng việc pha chế bảo tồn tinh dịch chưa làm được. Chỉ mới lấy tinh xong rồi san tinh và phát đi để dẫn tinh với môi trường rất đơn giản.

— Cai sữa sớm lợn con:

Một số trại trước đây đã áp dụng cai sữa sớm cho lợn con 30-40 ngày tuổi. Có trại nuôi lợn theo kỹ thuật sau: Lợn con sau khi đẻ

được 3 tuần (21 ngày) được độn vào ổ chung một ổ chuồng (cả mẹ lẫn con). Bên cạnh có ổ cho lợn con ăn riêng. Sau khi thấy lợn con ăn mạnh và phát triển bình thường, cho ăn tự do, đến lúc lợn được 40 - 45 ngày tuổi thì lùa mẹ đi nơi khác để chờ phối giống kế sau, còn lợn con vẫn ở chỗ cũ 5 - 7 ngày và rồi độn vào khu lợn con cai sữa.

Nhờ phương pháp ấy, lợn con sau khi cai sữa trọng lượng đạt 12 - 18 kg, lợn mẹ hồi phục sức nhanh, đảm bảo cho kỳ sinh đẻ kế tiếp.

- Tập cho lợn con ăn sớm:

Nhiều cơ sở chăn nuôi đã tập cho lợn con ăn sớm ngay từ khi mới được 1 tuần lễ.

5) Thiến lợn để nuôi thịt:

+ Đối với lợn cái giống ngoại hoặc lợn lai không dùng làm giống, khi nuôi thịt đều không thiến. Cứ như vậy nuôi đến khi xuất chuồng đạt 80 - 100 kg hay hơn. Tuy nhiên cũng có một số cơ sở thiến vào 5 tháng tuổi (nhưng rất ít).

+ Đối với lợn đực không dùng làm giống, thiến để nuôi béo: Các trại đều thiến ở giai đoạn sau khi cai sữa được vài tuần (khoảng 2 tháng tuổi).

6) Kỹ thuật chăn nuôi vịt:

Có 3 hình thức chăn nuôi:

+ Chăn nuôi nhỏ ở trong gia đình: số lượng ít 5 - 50 con, tối đa 100 con (Rạch-giá). Nguồn thức ăn sử dụng là: thức ăn dư thừa của lợn, của người, hoặc thóc xấu.

+ Nuôi theo lối thời vụ thả đồng: Số lượng một đàn có từ 500 - 1000 con hay lớn hơn (Rạch-giá). Nuôi dọc theo kênh rạch. Tháng nuôi tập trung là tháng 10 và 11 đến tháng 2 dương lịch thì phân chia: một số chọn làm giống, còn số khác mang bán thịt. Vịt thả đồng khi được 30 ngày tuổi.

+ Nuôi nhốt có sân chơi và hồ bơi (Trại gia cầm Long-an). Kiểu chăn nuôi này mới được thực hiện ở một vài cơ sở, chưa mở rộng.

NHẬN XÉT VÀ ĐÁNH GIÁ CÁC KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU, THỰC NGHIỆM, VÀ TIẾN BỘ KỸ THUẬT CHĂN NUÔI CỦA MIỀN NAM TRƯỚC NGÀY GIẢI PHÓNG

1. Những tiến bộ kỹ thuật quan trọng được đưa vào miền nam là: chăn nuôi gà công nghiệp, chăn nuôi lợn dùng thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh, xí nghiệp sản xuất thức ăn công nghiệp. Các giống gà và lợn cao sản của nước ngoài được nhập vào nhiều. Lợn được lai kinh tế rộng rãi nhất là ở miền Tây Nam-bộ. Vịt nuôi theo lối cổ truyền được phát triển mạnh do yêu cầu về thực phẩm và xuất khẩu. Kỹ thuật chăn nuôi gà công nghiệp và lợn tập trung, kỹ thuật xây dựng

chuồng trại qui mô lớn, kỹ thuật ấp trứng bằng máy và các loại công cụ chăn nuôi cải tiến đã đem lại hiệu quả kinh tế trong chăn nuôi.

2. Do yêu cầu phục vụ cho chiến tranh xâm lược, nhu cầu của quân đội Mỹ và kinh doanh của bọn tư bản, nên một số ngành chăn nuôi có phát triển, mặt khác một số ngành bị giảm sút nghiêm trọng như chăn nuôi trâu, bò và bò sữa.

3. Chăn nuôi chủ yếu vẫn dựa vào gia đình, vẫn còn nhiều điều lạc hậu. Một số cơ sở chăn nuôi tập trung được xây dựng tuy có áp dụng một số tiến bộ khoa học kỹ thuật của nước ngoài, nhưng mang nặng tính chất lệ thuộc, không có tính chất độc lập, do đó các cơ sở chăn nuôi gia súc giống, nghiên cứu cải tạo giống không được chú ý xây dựng.

4. Công trình nghiên cứu tần mạn, thiếu hệ thống. Các cơ sở nghiên cứu, cán bộ và trang thiết bị đều ít và thiếu. Chưa chú ý đúng mức việc đưa kết quả nghiên cứu vào sản xuất.

Tình hình chăn nuôi hiện nay của miền nam, nhất là ở các đô thị đòi hỏi một sự chỉ đạo chặt chẽ và đúng đắn, đòi hỏi những điều kiện cần thiết để phát huy hết khả năng của các cơ sở sản xuất và các con giống tốt đã nhập vào...

Nhờ sự hỗ trợ của miền bắc xã hội chủ nghĩa, các cơ sở chăn nuôi công nghiệp của những tỉnh phía nam sẽ nhanh chóng khắc phục được những hậu quả do chiến tranh và chính sách thực dân mới của đế quốc Mỹ đè lại, như thiếu sức kéo nghiêm trọng, giống vật nuôi và thức ăn gia súc phải lệ thuộc vào nước ngoài.

Chúng ta có thể xây dựng được các qui trình sản xuất các giống vật nuôi để áp dụng cho các cơ sở sản xuất, có thể tuyển chọn được các con giống tốt để nhân ra, và thực hiện các biện pháp quản lý giống nhằm xây dựng được một hệ thống giống từ trung ương đến địa phương. Chúng ta có thể mở rộng việc áp dụng các tiến bộ kỹ thuật tốt của nước ngoài nhằm tăng nhanh năng suất sinh sản của các đàn gia súc nhằm tăng năng suất sản phẩm chăn nuôi nhằm chế biến thức ăn gia súc theo kiểu công nghiệp với nguyên liệu trong nước để sử dụng kinh tế nhất.

Về mặt nghiên cứu và thực nghiệm chăn nuôi, một số kết quả có tác dụng đối với sản xuất, theo tôi có thể nêu ra được là:

- Về thức ăn gia súc:

Đã xây dựng được bảng giá trị dinh dưỡng một số loại thức ăn cho gia súc, đã nghiên

cứu được một số thức ăn giàu đạm trong nước như bã dầu dừa, bã dầu cao su, bã đậu bông, đã xây dựng được một số công thức thức ăn hỗn hợp cho năng suất cao.

— Về đồng cỏ:

Đã nhập nội nhiều loại cỏ hóa thảo và họ đậu đem thực nghiệm ở các trung tâm chăn nuôi, trong đó có một số loại cỏ có thể mở rộng trong sản xuất: cỏ voi, cỏ lông tây, cỏ xá, cỏ pangola, sorghum vulgare, cỏ dếp, cỏ stylosanthes gracillis và stylosanthes. Humilis.

— Về giống lợn:

Đã nhập được nhiều giống lợn tốt nước ngoài, trong đó giống lợn được chăn nuôi rộng rãi nhất là lợn Yorkshire large white.

Qua một quá trình lai giống tự phát trong nhân dân, đã hình thành được 2 nhóm giống lợn cải tiến: Ba-xuyên, và Thuộc-nhiều. Đó là 2 giống lợn được nhân dân ưa chuộng và nuôi phổ biến ở miền Tây Nam-bộ.

— Về giống trâu bò:

Đã nhập nội được một số giống bò tốt của Ấn-độ, Pháp, Úc và Mĩ, trong đó bò Ogole, bò Sind đã có tác dụng cải lương tâm vóc bò địa phương, tạo ra đàn bò lai Ấn nuôi rộng rãi ở miền Đông Nam-bộ. Đối với bò thịt, đã nhập nội được bò Santa-Sertrudis nuôi ở Nha-hố và đã được lai thí nghiệm với bò ta cho kết quả tốt. Bò Jersey đã có tác dụng trong việc tạo ra bò sữa F₁ cho năng suất sữa khá. Đã nhập nội một số trâu Murrah nuôi thuần để lấy sữa.

— Về giống gà vịt:

Đã nhập nội được nhiều dòng gà thịt và gà trứng có năng suất cao, trong đó một dòng gà thịt và một dòng gà trứng đã được ưa chuộng nhất là Hubbard và Hubbard Golden Comet. Do không nhập được gà giống gốc, nên hằng năm phải nhập một số lượng rất lớn. Hiện nay các giống gà nhập đã gần mất hết tác dụng.

Về vịt, đã nhập vịt Kaki campbell, vịt Bắc-kinh nhưng chưa có trại nhân thuần, nên hiện nay không còn giữ được giống thuần Bắc-kinh, còn vịt Kaki campbell thì mất hẳn.

— Kỹ thuật chăn nuôi:

+ Chuồng lợn: đã có một số kiểu thích hợp cho chăn nuôi qui mô lớn, trong điều kiện khí hậu ở miền nam (trại Đông-á, trại Ngọc-thành ở Cần-thơ...).

+ Chuồng gà: đã có một số kiểu nuôi theo lối thông thoáng tự nhiên, qui mô lớn, một số kiểu nuôi gà nhốt có máng nước tự động.

+ Kỹ thuật nuôi gà con: đã có hệ thống sưởi bằng đèn điện và đèn hồng ngoại.

+ Đã dùng kích dục tố ECP tăng năng suất sinh sản cho lợn.

+ Đã áp dụng kỹ thuật thụ tinh nhân tạo

(tuy chưa phổ biến rộng ra sản xuất). Riêng kỹ thuật thụ tinh nhân tạo cho gà làm khá tốt.

+ Kỹ thuật cai sữa sớm cho lợn đã được áp dụng tương đối rộng rãi vì nhờ có thức ăn bổ sung cho lợn con được nhập ở nước ngoài vào.

+ Kỹ thuật nuôi vịt: nuôi vịt theo lối thả đồng và nuôi dọc kênh rạch, có nhiều kinh nghiệm trong việc gột vịt, ấp vịt.

MỘT SỐ Í KIẾN VỀ CÔNG TÁC KHOA HỌC KỸ THUẬT CHĂN NUÔI Ở CÁC TỈNH PHÍA NAM TRONG THỜI GIAN TỚI

Các tỉnh phía nam có nhiều khả năng phát triển nông nghiệp nói chung, chăn nuôi nói riêng. Khí hậu và đất đai có những điểm khác với miền bắc. Khí hậu nhiệt đới có 2 mùa rõ rệt: mùa nóng khô và mùa nóng ẩm mưa nhiều. Đất đai cũng chia ra 4 vùng khác nhau: vùng ven biển Trung-bộ, vùng Tây-nguyên, vùng Đông Nam-bộ và vùng Tây Nam-bộ. Khả năng trồng lúa rất lớn, ngoài ra còn trồng nhiều loại hoa màu: ngô, sắn, đỗ tương và các loại cây công nghiệp có nhiều phụ phẩm có thể phục vụ cho chăn nuôi (lạc, mía, bông...). Miền nam có khả năng sản xuất nhiều bột cá. Đất đồng cỏ có nhiều nhưng thiếu nước về mùa khô. Ngành chăn nuôi phát triển không toàn diện, chỉ có lợn, gà, vịt phát triển ở vùng đô thị và vùng trồng lúa. Bò sữa, trâu sữa chưa có bao nhiêu. Chăn nuôi mang nhiều tính chất quảng canh, nhiều kỹ thuật chăn nuôi còn lạc hậu. Chăn nuôi tự nhiên còn khá phổ biến trong nhân dân.

Công tác nghiên cứu về chăn nuôi của chế độ Mĩ - nguy tuy có làm nhưng đầu tư còn ít nên kết quả nghiên cứu phục vụ sản xuất chưa nhiều, còn tản mạn. Các cơ sở nghiên cứu ít, hầu như không còn gì (trừ trung tâm Thủ-đức và một phần của trung tâm Bakmát).

Căn cứ vào yêu cầu phát triển nông nghiệp trong thời gian tới, đưa chăn nuôi lên thành ngành sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, đến năm 1980, các chỉ tiêu về chăn nuôi như sau: 16,5 triệu lợn, 1 triệu tấn thịt hơi các loại..., như vậy, nghiên cứu chăn nuôi cần phải được tăng cường về mặt đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, về cán bộ và trang thiết bị. Cần tập trung vào việc giải quyết các vấn đề cấp thiết nhất cho sản xuất, đồng thời chuẩn bị để tiến lên giải quyết những vấn đề đặt ra trong tương lai, trong điều kiện kinh tế từng bước đi lên của Việt-nam nhằm đưa ngành chăn nuôi nước ta phát triển thành một nền chăn nuôi chuyên canh, thâm canh có nhiều sản phẩm hàng hóa, giải quyết được yêu cầu về thực phẩm, thịt, trứng sữa cho nhân dân, về nguyên liệu cho công nghiệp và cho xuất khẩu.

Một số vấn đề nghiên cứu chăn nuôi trọng tâm ở các tỉnh phía nam là:

a) *Nghiên cứu thức ăn và đồng cỏ.*

— Điều tra cơ bản đồng cỏ, các nguồn thức ăn gia súc các tỉnh phía nam thuộc 4 vùng khác nhau:

Phân tích các loại thức ăn, hoàn chỉnh bảng giá trị dinh dưỡng các loại thức ăn:

— Sử dụng các loại thức ăn giàu đạm có nhiều ở miền nam:

— Tập đoàn cây trồng dùng làm thức ăn cho gia súc ở các vùng khác nhau (tập đoàn cỏ họ đậu cho trâu bò, tập đoàn cây thức ăn cho lợn).

Xây dựng đồng cỏ thâm canh và kỹ thuật tưới nước cho đồng cỏ.

— Sản xuất bột cỏ, thức ăn bổ sung nhiều đạm.

Tiêu chuẩn ăn, các công thức thức ăn hỗn hợp và khẩu phần ăn cho các loại gia súc thuộc các vùng khác nhau.

b) *Nghiên cứu về giống gia súc.*

Điều tra cơ bản các giống gia súc tốt của 4 vùng.

Giám định, chọn lọc những giống lợn ngoại và lợn lai, lợn địa phương tốt, tuyển chọn những cá thể có năng suất cao, tổ chức nhân giống theo dòng để duy trì và bồi dục những giống tốt đó.

Xác định những công thức lai cho lợn nuôi theo kiểu công nghiệp và chăn nuôi gia đình, cho lợn xuất khẩu.

— Thí nghiệm một số giống gia súc nhập nội và Việt-nam hóa những giống đó.

— Tạo giống trâu sữa, bò sữa, bò thịt.

— Chọn những dòng gà có năng suất cao của miền bắc đem nuôi ở miền nam và những công thức lai có hiệu quả kinh tế cao.

— Chọn nhân giống vịt và ngỗng ngoại và giống vịt địa phương tốt.

Nghiên cứu các biện pháp kỹ thuật tăng năng suất sinh sản và năng suất sản phẩm chăn nuôi (thịt, sữa, trứng).

— Áp dụng các thành tựu sinh học hiện đại vào chăn nuôi nước ta: thụ tinh nhân tạo cho lợn, trâu, bò, gà, vịt; biện pháp chống nên sỏi bằng kích dục tố và các biện pháp sinh học khác.

Kỹ thuật chăn nuôi theo hướng thâm canh, theo hướng sản xuất nhiều thịt nạc, nhiều gan (vịt, ngỗng, lợn) để xuất khẩu. Kỹ thuật cai sữa sớm cho lợn, bằng các công thức ăn có giá trị dinh dưỡng cao thay được sữa lợn mẹ; Kỹ thuật dự trữ cỏ trong điều kiện nóng ẩm nhiệt đới, từ qui mô nhỏ gia đình đến qui mô lớn chăn nuôi công nghiệp.

Nghiên cứu cải tiến các kiểu chuồng nhằm

nâng cao năng suất chăn nuôi, năng suất lao động.

— Nghiên cứu xây dựng qui trình chăn nuôi các loại gia súc.

2— *Xây dựng các cơ sở nghiên cứu và mạng lưới thí nghiệm chăn nuôi.*

Để có thể nghiên cứu được các vấn đề đã nêu ra, cần phải có những cơ sở nghiên cứu có trang thiết bị đầy đủ, có cán bộ có trình độ và có những phương pháp nghiên cứu tốt, nắm được đường lối và chủ trương của Đảng và Nhà nước, biết đi sâu giải quyết các vấn đề do sản xuất đề ra. Ngoài các cơ sở nghiên cứu, các trường đại học cũng phải tham gia nghiên cứu các vấn đề trọng tâm tùy theo khả năng của mình.

Theo tôi, các cơ sở nghiên cứu cần được củng cố và xây dựng trong 5 năm tới là:

— Viện kỹ thuật Nông nghiệp miền Đông.

— Trung tâm nghiên cứu Nông nghiệp miền Tây.

— Trung tâm nghiên cứu Nông nghiệp Bakmat.

— Trung tâm nghiên cứu Nông nghiệp ở Nha-hố.

— Trung tâm nghiên cứu Trâu sữa và đồng cỏ ở Bến-cát.

— Trung tâm nghiên cứu Lợn ngoại ở Lâm-đồng.

— Trung tâm nghiên cứu Đồng cỏ và bò sữa ở Lâm-đồng.

— Trung tâm nghiên cứu Bò thịt và dê ở Nha-hố.

Trên đây chúng tôi đã trình bày tình hình chăn nuôi và tình hình công tác nghiên cứu thí nghiệm trước ngày giải phóng; chúng tôi cũng đã nêu ra một số nhận xét về phát triển chăn nuôi, về kết quả nghiên cứu và thí nghiệm ở các tỉnh phía nam. Chúng tôi cũng đã trình bày phương hướng và nhiệm vụ nghiên cứu để phục vụ cho sản xuất nông nghiệp ở các tỉnh phía nam trong kế hoạch 5 năm 1976 - 1980 và những năm về sau.

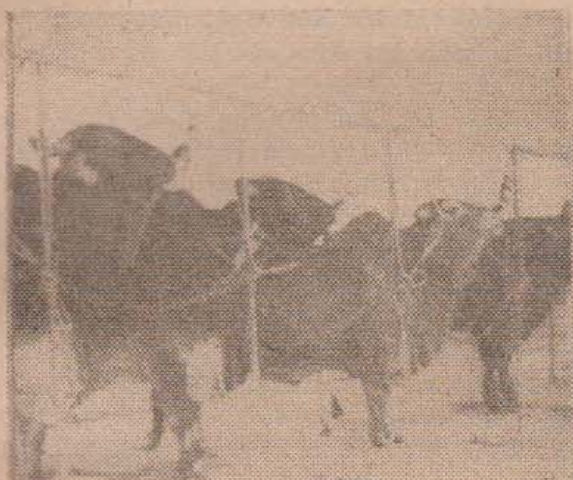
Trong bài báo này, những nhận xét còn bị hạn chế bởi số liệu và tài liệu thu thập được chưa thật đầy đủ, nhất là đối với các tỉnh miền Trung. Những vấn đề trọng tâm nghiên cứu nêu ra có thể chưa thật sát vì chưa thật am hiểu hết các đặc điểm và tình hình cụ thể của các vùng nông nghiệp khác nhau của các tỉnh phía nam.

Chúng tôi mong rằng, sau bài báo này sẽ được các đồng nghiệp thảo luận và bổ sung nhiều ý kiến để cùng nhau xây dựng được một kế hoạch nghiên cứu khoa học tương đối sát đúng với tình hình thực tế của chăn nuôi ở các tỉnh phía nam.



Vài hình ảnh khoa học kĩ thuật phục vụ chăn nuôi

Cán bộ kĩ thuật Phòng Sinh vật học thú y (Viện khoa học Nông nghiệp) lấy máu thử để nghiên cứu xác định bệnh tiêm mao trùng gây bệnh cho trâu bò, một bệnh có ảnh hưởng nhiều đến khả năng cày kéo của trâu bò nước ta.



Đàn bò Zê-bu (nguồn gốc Ấn-đô) được đưa vào châu Mi gần 300 năm nay đã thành giống bò kiêm dụng: sữa, thịt và cày kéo, thích nghi với khí hậu nhiệt đới. Hiện nay, Cu-ba đã giúp ta giống bò này dùng để cải tạo đàn bò Việt-nam.



Trong nuôi thực nghiệm, Trung tâm Gà giống thịt Tam-đào đã căn bản giữ được giống gốc. Gà thịt 8 tuần tuổi đạt trọng lượng bình quân 1,3kg; thức ăn tiêu tốn để ra 1kg thịt là 2,4kg; tỉ lệ nuôi sống cả 2 giai đoạn đạt 97%.



Trại nhân giống của Viện Chăn nuôi bước đầu thuần chủng các giống ngỗng nước ngoài đạt kết quả tốt. Với thức ăn dùng tiêu chuẩn, ngỗng của trại đạt trọng lượng từ 150—200gam.

Ảnh: XUÂN CẦU, ĐỨC NHƯ, BÙI TƯỜNG (TXXVN)